

Bản án số:24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Chuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 545/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989

Địa chỉ: số 6, đường số 16, tổ 4, khu phố CR, phường ST, Thành phố LK, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Vũ A, sinh năm: 1988

Địa chỉ: tổ 8, ấp 1, xã TL, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Chị D có đơn xét xử vắng mặt, anh Vũ A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2019, sửa đổi bổ sung ngày 24/10/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng Vũ A hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ST, thị xã LK (nay là phường ST, Thành phố LK), tỉnh ĐN và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 30-12-2013, số:125, quyển số:01/2013. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2018 thì anh Vũ A tự ý dọn ra ngoài ở riêng và không còn chung sống với chị. Cuộc sống sau hôn nhân công việc mỗi người mỗi nơi, đến tháng 3/2015 khi chị mang thai thì anh vẫn không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện đập phá đồ đạc. Tháng 11/2015 chị dọn về nhà mẹ ruột ở LK để sinh con nhưng anh vẫn bỏ mặc vợ con không về sống chung chăm sóc. Từ tháng 02/2018 hai người không còn sống chung với nhau. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Vũ A.

- Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh N, sinh ngày 06/11/2015. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Vũ A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Vũ A nhưng anh vẫn không đến Tòa án, vì vậy không ghi được lời khai của anh.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn triệu tập hợp lệ 02 lần không đến nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị D. Về hôn nhân: Chị D được ly hôn với anh Vũ A. Đề nghị giao con chung Nguyễn Hoàng Minh N, sinh ngày 06/11/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Vũ A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Do anh Vũ A vắng mặt không trình bày ý kiến nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng Vũ A có nơi cư trú tại ấp 1, xã TL, huyện TP, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chị là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị là nguyên đơn, anh Vũ A là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 16/04/2020 Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án căn cứ vào Điều 207; khoản 2 Điều 208; khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải, đồng thời Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt biết.

- Chị D có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vũ A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh Vũ A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ST, thị xã LK (nay là phường ST, Thành phố LK), tỉnh ĐN và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 30-12-2013, số:125/2013, quyển số:01/2013. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Cuộc sống sau hôn nhân công việc mỗi người mỗi nơi, đến tháng 3/2015 khi chị mang thai thì anh Vũ A vẫn không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện đập phá đồ đạc. Tháng 11/2015 chị dọn về nhà mẹ ruột ở LK để sinh con nhưng anh Vũ A vẫn bỏ mặc vợ con không về sống chung chăm sóc. Từ tháng 02/2018 anh Vũ A tự ý dọn ra ngoài ở riêng và không còn chung sống với chị cho đến nay. Bản thân anh Vũ A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, qua đó thể hiện anh có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 19/3/2020 cũng phù hợp với lời khai của chị D. Như vậy anh, chị đã không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng tại Điều của 18 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định "*Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững*".

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Vũ A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D, cho chị được ly hôn với anh Vũ A, quy định tại khoản 1, Điều 85; khoản 1, Điều 89; Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị D về sinh sống cùng cha mẹ tại Thành phố LK, chị làm kế toán theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn do Công ty X số 5 ký kết, với thu nhập trung bình từ lương 7.450.000đ/tháng theo giấy xác nhận lương đề ngày 10/12/2019. Đồng thời từ tháng 11/2015 đến nay chị là người trực tiếp nuôi con nên để giữ sự ổn định cuộc sống cho con khi còn nhỏ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao con chung Nguyễn Hoàng Minh N, sinh ngày 06/11/2015 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời miễn cho anh Vũ A nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và Gia đình. Anh Vũ A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung anh Vũ A có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết. Do anh Vũ A không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1, Điều 85; khoản 1, Điều 89; Các Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Vũ A.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Minh N, sinh ngày 06/11/2015 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời miễn cho anh Vũ A nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ A có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh Vũ A không có văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu, vì vậy tách ra giải quyết vụ án khác khi có tranh chấp và yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005660 ngày 09-12-2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Chị D và anh Vũ A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường ST, Thành phố LK (số 125, quyền số:01/2013, ngày 30/12/2013) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

